

Bản án số: 44/2025/DS-PT  
Ngày: 14/3/2025  
*V/v tranh chấp bồi thường  
thiệt hại về tài sản.*

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương.
- *Các Thẩm phán:* Ông Thái Văn Hà.  
Ông Phan Minh Dũng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*  
Bà Lê Thị Vân-Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2024/TLPT-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2024/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 285/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:*

- Bà Lê Thị Trúc L; có mặt.
- Ông Nguyễn Hữu N; vắng mặt.
- Ông Trần Thái A; có mặt.
- Ông Hồ Văn C; có mặt.
- Ông Hồ Văn D; có mặt.
- Ông Hồ Văn G; có mặt.
- Ông Trần Thanh H; có mặt.
- Ông Hồ Ngọc K1; có mặt.
- Ông Nguyễn Văn L1; có mặt.
- Bà Nguyễn Thị N1; có mặt.

- Ông Hồ Cao S; có mặt.
- Ông Hồ Văn T; có mặt.
- Ông Phan Văn T1; có mặt.
- Ông Nguyễn Trung T2; có mặt.
- Bà Nguyễn Thị Thanh T3; có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị H1; có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đỗ Thị H1:* Luật sư Bùi Văn P, hoạt động tại Công ty L2; địa chỉ: F đường N, thành phố Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh B; có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Minh C1; có mặt.
- Ông Huỳnh Văn Đ; có mặt.
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Q; vắng mặt.
- Ông Hồ Văn K; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- Ông Nguyễn Thái H2; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

*Người đại diện hợp pháp của bà Q:* Bà Hồ Thị H3; cư trú tại: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 26 tháng 02 năm 2024); vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Đỗ Thị H1 là bị đơn, ông Nguyễn Minh C1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L trình bày:*

Nhà bà ở xóm C, thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Việc đi lại giữa nơi bà ở phải đi qua đò do đó bà gửi xe tại nhà bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1. Khi có nhu cầu đi lại thì bà đi đò từ nhà qua nhà bà H1, ông C1 để lấy xe đi. Xe mô tô biển số 77G1-150.61 là xe của bà, do Huỳnh Văn Đ đứng tên chủ sở hữu. Bà gửi xe này tại nhà vợ chồng bà H1, ông C1 hàng tháng với số tiền 50.000 đồng. Giữa bà và bà H1 không lập hợp đồng cụ thể mà chỉ thoả thuận gửi giữ bằng miệng. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại nhà giữ xe của vợ chồng bà H1, ông C1 xảy ra hoả hoạn cháy cả xe máy mà bà gửi tại đây. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, giá trị xe của bà tại thời điểm bị cháy là 8.000.000 đồng. Từ khi xảy ra hoả hoạn đến nay vợ chồng bà H1, ông C1 không bồi thường cho bà. Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà H1, ông C1 phải bồi thường cho bà số tiền là 6.000.000 đồng.

*Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu N trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L về việc gửi xe, cũng như việc xảy ra cháy xe tại nhà vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, giá trị xe của ông tại thời điểm bị cháy là 28.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà H1, ông C1 phải bồi thường cho ông số tiền là 15.000.000 đồng.

*Nguyên đơn ông Trần Thái A trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L về việc gửi xe, cũng như việc xảy ra cháy xe tại nhà vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, giá trị xe của ông tại thời điểm bị cháy là 11.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà H1, ông C1 phải bồi thường cho ông số tiền là 8.000.000 đồng.

*Nguyên đơn ông Hồ Văn C trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L về việc gửi xe, cũng như việc xảy ra cháy xe tại nhà vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, giá trị xe của ông tại thời điểm bị cháy là 24.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà H1, ông C1 phải bồi thường cho ông số tiền là 20.000.000 đồng.

*Nguyên đơn ông Hồ Văn D trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L về việc gửi xe, cũng như việc xảy ra cháy xe tại nhà vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, giá trị xe của ông tại thời điểm bị cháy là 14.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà H1, ông C1 phải bồi thường cho ông số tiền là 7.000.000 đồng.

*Nguyên đơn ông Hồ Văn G trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L về việc gửi xe, cũng như việc xảy ra cháy xe tại nhà vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, giá trị xe của ông tại thời điểm bị cháy là 20.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà H1, ông C1 phải bồi thường cho ông số tiền là 10.000.000 đồng.

*Nguyên đơn ông Trần Thanh H trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L về việc gửi xe, cũng như việc xảy ra cháy xe tại nhà vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, giá trị xe của ông tại thời điểm bị cháy là 8.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà H1, ông C1 phải bồi thường cho ông số tiền là 6.000.000 đồng.

*Nguyên đơn ông Hồ Ngọc K1 trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L về việc gửi xe, cũng như việc xảy ra cháy xe tại nhà vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, giá trị xe của ông tại thời điểm bị cháy là 30.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà H1, ông C1 phải bồi thường cho ông số tiền là 15.000.000 đồng.

*Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L1 trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L về việc gửi xe, cũng như việc xảy ra cháy xe tại nhà vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, giá trị xe của ông tại thời điểm bị cháy là 18.000.000 đồng. Tuy nhiên, ngày 24 tháng 7 năm 2024 ông L1 đã có đơn xin rút đơn khởi kiện.

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1 trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L về việc gửi xe, cũng như việc xảy ra cháy xe tại nhà vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, giá trị xe của bà tại thời điểm bị cháy là 30.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà H1, ông C1 phải bồi thường cho bà số tiền là 20.000.000 đồng.

*Nguyên đơn ông Hồ Cao S trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L về việc gửi xe, cũng như việc xảy ra cháy xe tại nhà vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, giá trị xe của ông tại thời điểm bị cháy là 20.000.000 đồng. Trước đây ông yêu cầu vợ chồng bà H1, ông C1 bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà H1, ông C1 phải bồi thường cho ông số tiền là 10.000.000 đồng.

*Nguyên đơn ông Hồ Văn T trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L về việc gửi xe, cũng như việc xảy ra cháy xe tại nhà vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, giá trị xe mô tô của ông tại thời điểm bị cháy là 20.000.000 đồng, giá trị xe điện tại thời điểm bị cháy có giá 6.500.000 đồng. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà H1, ông C1 phải bồi thường cho ông số tiền là 20.000.000 đồng.

*Nguyên đơn ông Phan Văn T1 trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L về việc gửi xe, cũng như việc xảy ra cháy xe tại nhà vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, giá trị xe của ông tại thời điểm bị cháy là 45.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà H1, ông C1 phải bồi thường cho ông số tiền là 30.000.000 đồng.

*Nguyên đơn ông Nguyễn Trung T2 trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L về việc gửi xe, cũng như việc xảy ra cháy xe tại nhà vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện T, giá trị xe của ông tại thời điểm bị cháy là 27.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà H1, ông C1 phải bồi thường cho ông số tiền là 20.000.000 đồng.

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T3 trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L về việc gửi xe, cũng như việc xảy ra cháy xe tại nhà vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1. Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện T, giá trị xe của bà tại thời điểm bị cháy là 28.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc vợ chồng bà H1, ông C1 phải bồi thường cho bà số tiền là 25.000.000 đồng.

*Bị đơn bà Đỗ Thị H1 trình bày:*

Việc nhận trông giữ xe tại nhà bà là do ông Hồ Văn G và ông Phan Văn T1 năn nỉ bà. Sau đó mẹ của Trần Thái A đến năn nỉ. Vì nể nang quan hệ họ hàng có quen biết với nhau nên bà mới chấp nhận. Bà thừa nhận có nhận giữ xe cho bà Lê Thị Trúc L, ông Nguyễn Hữu N, ông Trần Thái A, ông Hồ Văn C, ông Hồ Văn D, ông Hồ Văn G, ông Trần Thanh H, ông Hồ Ngọc K1, ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị N1, ông Hồ Cao S, ông Hồ Văn T, ông Phan Văn T1, ông Hồ Văn G và bà Nguyễn Thị Thanh T3 như bà L, ông N, ông A, ông C, ông D, ông G, ông H, ông K1, ông L1, bà N1, ông S, ông T, ông T1, ông G và bà T3 trình bày nhưng xe gì, giá bao nhiêu thì bà không biết. Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 21 tháng 11 năm 2022, tại nhà giữ xe của vợ chồng bà xảy ra hỏa hoạn cháy tất cả các xe tại nhà giữ xe gồm 20 chiếc. Bà không có ý kiến gì về việc định giá của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện T. Vợ chồng bà đã già, không có khả năng bồi thường nên đề nghị được miễn bồi thường số tiền này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh C1 trình bày:*  
Ông thống nhất như trình bày của vợ ông là bà Đỗ Thị H1.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Huỳnh Văn Đ trình bày:*

Xe mô tô biển số 77G1-150.61 do ông đứng tên chủ sở hữu nhưng sau đó ông đã cho xe này cho bà L và việc cho tặng không lập giấy tờ gì. Nay xe bị cháy thì ông thống nhất yêu cầu của bà L.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc Q trình bày:*

Xe mô tô biển số 77G1-838.99 là xe của cha bà là ông Nguyễn Hữu N nhưng do bà đứng tên chủ sở hữu. Nay xe bị cháy thì bà thống nhất với yêu cầu của ông N.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hồ Văn K trình bày:*

Xe mô tô biển số 77G1-192.54 là xe của con trai ông là Hồ Văn D, do ông đứng tên chủ sở hữu. Việc bồi thường xe do anh D tự quyết định, ông không có liên quan.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái H2 trình bày:*

Xe mô tô 77G1-64727 là của ông. Ông có gửi xe tại nhà của bà H1. Theo kết luận của cơ quan điều tra, xe xuất phát cháy là xe của ông và nguyên nhân cháy là do chập điện. Tuy nhiên ông thấy rằng ông đã giao xe cho bà H1 quản lý và xe máy đang ở chế độ tĩnh nên ông không liên quan gì đến việc cháy xe này.

*Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2024/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn Lê Thị Trúc L, ông Nguyễn Hữu N, ông Trần Thái A, ông Hồ Văn C, ông Hồ Văn D, ông Hồ Văn G, ông Trần Thành H4, ông Hồ Ngọc K1, bà Nguyễn Thị N1, ông Hồ Cao S, ông Hồ Văn T, ông Phan Văn T1, ông Nguyễn Trung T2, bà Nguyễn Thị Thanh T3.

Buộc vợ chồng bà Đỗ Thị H1, ông Nguyễn Minh C1 bồi thường cho bà Lê Thị Trúc L 6.000.000 đồng, ông Nguyễn Hữu N 15.000.000 đồng, ông Trần Thái A 8.000.000 đồng, ông Hồ Văn C 20.000.000 đồng, ông Hồ Văn D 7.000.000 đồng, ông Hồ Văn G 10.000.000 đồng, ông Trần Thành H 6.000.000 đồng, ông Hồ Ngọc K1 15.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị N1 20.000.000 đồng, ông Hồ Cao S 10.000.000 đồng, ông Hồ Văn T 20.000.000 đồng, ông Phan Văn T1 30.000.000 đồng, ông Nguyễn Trung T2 22.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thanh T3 25.000.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Văn L1. Ông L1 có quyền khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, vợ chồng bà Đỗ Thị H1, ông Nguyễn Minh C1 kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà H1, ông C1 phải bồi thường cho các nguyên đơn ½ giá trị tài sản bị thiệt hại theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của vợ chồng bà Đỗ Thị H1, ông Nguyễn Minh C1, HĐXX thấy rằng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp hợp đồng gửi giữ là không chính xác, bởi lẽ: Giữa các nguyên đơn và bị đơn không xác lập hợp đồng gửi giữ, mà việc các nguyên đơn để xe trong sân nhà bị đơn chỉ là gửi nhờ tài sản, vì bị đơn không biết xe của các nguyên đơn là xe thuộc chủng loại gì, trị giá bao nhiêu và việc gửi nhờ xe của các nguyên đơn xuất phát từ nhu cầu đi lại của các nguyên đơn, không xuất phát từ nhu cầu kinh doanh của bị đơn. Hơn nữa, các nguyên đơn cũng không xác định được thời gian gửi nhờ xe bắt đầu từ khi nào và việc giữ xe của vợ chồng bị đơn cũng không thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh và không thuộc trường hợp nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh...nhưng bị đơn vẫn cho các nguyên đơn gửi nhờ xe nên khi tài sản của các nguyên đơn bị hủy hoại do nguồn nguy hiểm cao độ (xe mô tô bị chập điện) gây ra, thì chủ sở của tài sản gây thiệt hại phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các nguyên đơn. Do đó HĐXX sửa lại quan hệ pháp luật của vụ án là bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho phù hợp với nội dung của vụ án.

[1.2] Về nội dung: Tài sản gây ra thiệt hại là chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA VISION biển kiểm soát 77G1-647.27 (nguồn nguy hiểm cao độ), chủ sở hữu là ông Nguyễn Thái H2, thì lẽ ra ông H2 phải có trách nhiệm bồi thường cho những người bị thiệt hại, nhưng tại thời điểm xảy ra cháy ông H2 đã giao xe cho bị đơn bà Đỗ Thị H1 và xe của ông H2 đang ở chế độ tĩnh nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số: 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì vợ chồng bị đơn là người phải chịu trách nhiệm bồi thường cho các nguyên đơn. Tuy nhiên, các nguyên đơn cũng có lỗi trong việc tài sản bị hủy hoại, vì như đã phân tích ở trên thì các nguyên đơn biết rõ vợ chồng bị đơn không phải là hộ kinh doanh trông giữ xe, không đảm bảo điều kiện để trông giữ xe theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn đem xe đến gửi nên lỗi của các bên là ngang bằng với nhau. Cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bị đơn phải chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ cho các nguyên đơn là không đầy đủ cơ sở. Do đó, các nguyên đơn mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$  lỗi tương ứng với  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản tại thời điểm định giá, cụ thể: Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện T, giá trị xe của bà L tại thời điểm bị cháy là 8.000.000 đồng, ông N là 28.000.000 đồng, ông A là 11.000.000 đồng, ông C là 24.000.000 đồng, ông D là 14.000.000 đồng, ông G 20.000.000 đồng, ông H là 8.000.000 đồng, ông K1 là 30.000.000 đồng, bà N1 là 30.000.000 đồng, ông S 20.000.000 đồng, ông T 20.000.000 đồng, ông T1 là 45.000.000 đồng, ông T2 là 27.000.000 đồng, bà T3 là 28.000.000 đồng. Do đó, vợ chồng bà H1 ông C1 phải bồi thường cho bà L là 4.000.000 đồng, ông N là 14.000.000 đồng, ông A là 5.500.000 đồng, ông C là 12.000.000 đồng, ông D là 7.000.000 đồng, ông G 10.000.000 đồng, ông H là 4.000.000 đồng, ông K1 là 15.000.000 đồng, bà N1 là 15.000.000 đồng, ông S 10.000.000 đồng, ông T 10.000.000 đồng, ông T1 là 22.500.000 đồng, ông T2 là 13.500.000 đồng, bà T3 là 14.000.000 đồng.

[2] Từ những phân tích trên, xét thấy một phần kháng cáo của bà Đỗ Thị H1 là có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận. Sửa bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật và về phần bồi thường thiệt hại.

[3] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí dân sự: Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1 được miễn toàn bộ án phí.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 2 của Luật người cao tuổi.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần kháng cáo của vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2024/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định về quan hệ pháp luật và về phần bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của các nguyên đơn bà Lê Thị Trúc L, ông Nguyễn Hữu N, ông Trần Thái A, ông Hồ Văn C, ông Hồ Văn D, ông Hồ Văn G, ông Trần Thanh H, ông Hồ Ngọc K1, bà Nguyễn Thị N1, ông Hồ Cao S, ông Hồ Văn T, ông Phan Văn T1, ông Nguyễn Trung T2, bà Nguyễn Thị Thanh T3.

2. Buộc vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1 phải bồi thường cho: Bà Lê Thị Trúc L 4.000.000 đồng, ông Nguyễn Hữu N 14.000.000 đồng, ông Trần Thái A 5.500.000 đồng, ông Hồ Văn C 12.000.000 đồng, ông Hồ Văn D 7.000.000 đồng, ông Hồ Văn G 10.000.000 đồng, ông Trần Thanh H 4.000.000 đồng, ông Hồ Ngọc K1 15.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị N1 15.000.000 đồng, ông Hồ Cao S 10.000.000 đồng, ông Hồ Văn T 10.000.000 đồng, ông Phan Văn T1 22.500.000 đồng, ông Nguyễn Trung T2 13.500.000 đồng và bà Nguyễn Thị Thanh T3 14.000.000 đồng.



### 3. Về án phí:

#### 3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1 được miễn.  
- Hoàn trả lại cho lại cho: Bà Lê Thị Trúc L 300.000 đồng, ông Nguyễn Hữu N 700.000 đồng, ông Trần Thái A 300.000 đồng, Hồ Văn C 600.000 đồng, ông Hồ Văn D 350.000 đồng, Hồ Văn G 500.000 đồng, ông Trần Thanh H 300.000 đồng, ông Hồ Ngọc K1 475.000 đồng, bà Nguyễn Thị N1 750.000 đồng, ông Hồ Cao S 500.000 đồng, ông Hồ Văn T 662.000 đồng, ông Phan Văn T1 1.125.000 đồng, ông Nguyễn Trung T2 675.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thanh T3 700.000 đồng và ông Nguyễn Văn L1 450.000 đồng theo các Biên lai thu tiền số: 0001516, 0001515, 0001525, 0001523, 0001520, 0001526, 0001519, 0001529, 0001517, 0001522, 0001518, 0001527, 0001524, 0001521, 0001528 ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

3.2 Về án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng bà Đỗ Thị H1 và ông Nguyễn Minh C1 được miễn.

[4] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

### 5. quyền, nghĩa vụ thi hành án:

5.1 Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5.2 Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện Tuy Phước;
- CCTHADS huyện Tuy Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Công Phương**

